

Cải cách tòa án ở Việt Nam: Kết quả và những vấn đề đặt ra

Trương Thị Thu Trang (*),

Dương Thị Tuyết Nhung(**)

Tóm tắt: *Cải cách tòa án là việc thực hiện những điều chỉnh lớn, tạo ra những thay đổi mang tính hệ thống trên quy mô rộng lớn, sâu sắc và triệt để về cơ cấu tổ chức, chức năng và nhiệm vụ của tòa án. Qua hơn một thập kỷ thực hiện cải cách tư pháp nói chung và cải cách tòa án nói riêng, tổ chức và hoạt động của tòa án ở Việt Nam đã có những thay đổi căn bản. Bài viết tập trung nêu và phân tích những kết quả đạt được trong cải cách tòa án ở Việt Nam trong thời gian qua và những vấn đề đặt ra trong thời gian tới.*

Từ khóa: Cải cách tòa án, Cải cách tư pháp, Tòa án nhân dân, Việt Nam.

1. Khái quát về cải cách tòa án ở Việt Nam

Ở Việt Nam, đường lối, chính sách cải cách tư pháp nói chung và cải cách tòa án nói riêng được thể hiện qua các Nghị quyết Trung ương của Đảng, Hiến pháp và Luật Tổ chức tòa án và các văn bản pháp luật có liên quan.^(*) Kể từ khi Nghị quyết 49-NQ/TW của Bộ Chính trị về Chiến lược Cải cách tư pháp đến năm 2020 được ban hành ngày 2/6/2005, các nội dung cải cách tòa án đã được thực hiện ở Việt Nam gồm: ^(*)Luật Tổ tụng hành chính năm 2010 đã mở rộng thẩm quyền xét xử của tòa án đối với các khiếu kiện hành chính, bảo đảm sự bình đẳng giữa người dân và cơ quan công quyền trước tòa án; Luật Thi hành án dân sự năm 2008 và

Luật Thi hành án hình sự năm 2011 được ban hành nhằm bảo đảm các bản án, quyết định của tòa án được thi hành nghiêm minh theo các nguyên tắc, trình tự, thủ tục minh bạch, dân chủ, công khai, phù hợp với tính chất của từng loại án, quy định rõ tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan thi hành án, cơ quan quản lý thi hành án, thể chế hóa những chủ trương mới trong thi hành án, như thay đổi hình thức thi hành án tử hình, xã hội hóa một số khâu thi hành án dân sự, v.v...

Tháng 12/2013, Quốc hội đã thông qua Hiến pháp 1992 sửa đổi (Hiến pháp năm 2013) với nhiều quy định mới về chức năng, nhiệm vụ; về tổ chức hệ thống tòa án nhân dân; về các nguyên tắc hoạt động; về thẩm phán, v.v... Những sửa đổi này được quy định cụ thể trong Luật Tổ chức tòa án nhân dân năm 2014 được Quốc hội thông qua ngày 24/11/2014, thay thế Luật Tổ chức tòa

(*) TS., Viện Thông tin Khoa học xã hội; Email: truongthutrangissi@yahoo.com

(**) ThS., Trường Đại học Mỏ - Địa chất.

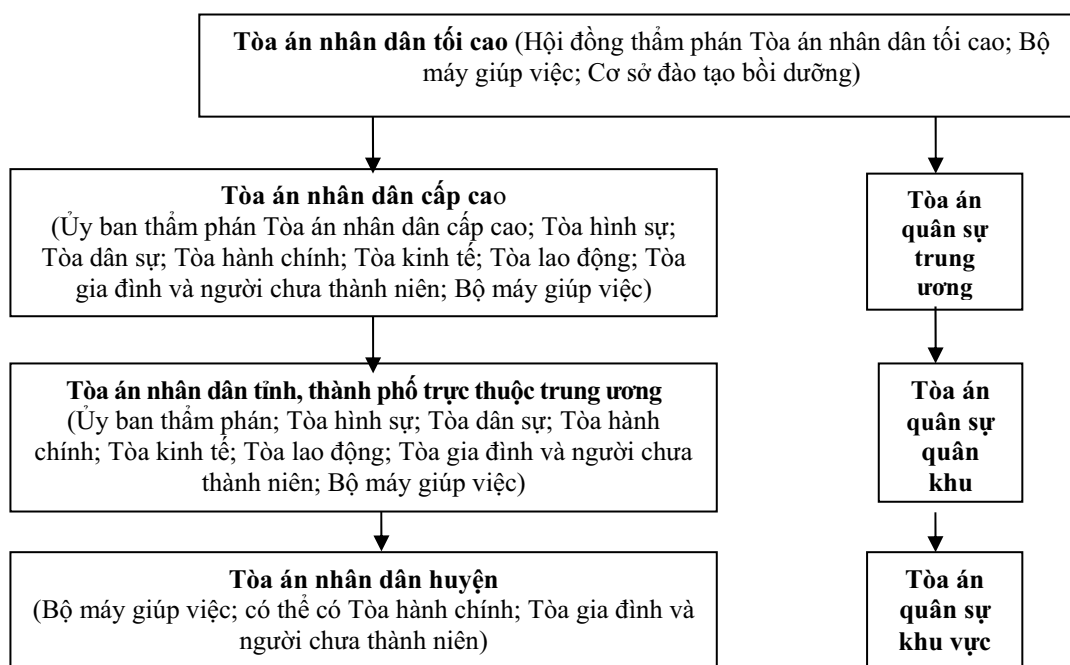
án nhân dân năm 2002. *Luật Tổ chức tòa án nhân dân năm 2014 được coi là một bước cải cách căn bản về cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ đối với hệ thống tòa án ở Việt Nam. Có những nội dung đổi mới lớn sau:*

Thứ nhất là về chức năng, nhiệm vụ của tòa án nhân dân. Điều 2 Luật Tổ chức tòa án nhân dân năm 2014 có nhiều điểm mới, quan trọng, trong đó nhấn mạnh tòa án có thể tự kiểm tra, xác minh, thu thập, bổ sung chứng cứ.

chức độc lập theo thẩm quyền xét xử” (Điều 5).

Thứ ba là về tổ chức bộ máy của các tòa án nhân dân. Điều 3 Luật Tổ chức tòa án nhân dân năm 2014 quy định tổ chức tòa án nhân dân gồm 4 cấp (trước đây là 3 cấp): tòa án nhân dân tối cao; các tòa án nhân dân cấp cao; các tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; các tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh và tương đương; các tòa án quân sự.

Hình 1: Sơ đồ tổ chức tòa án nhân dân theo Luật Tổ chức tòa án nhân dân năm 2014



Thứ hai là về nguyên tắc hoạt động của tòa án nhân dân. Luật Tổ chức tòa án nhân dân năm 2014 đã cụ thể hóa đầy đủ các nguyên tắc cơ bản được quy định tại Điều 103 của Hiến pháp năm 2013, trong đó có những nguyên tắc mới quan trọng như: nguyên tắc tranh tụng được bảo đảm trong xét xử; nguyên tắc suy đoán vô tội; nguyên tắc các tòa án nhân dân được tổ

Thứ tư là về phân định thẩm quyền của các tòa án nhân dân. Điểm mới khác biệt là Tòa án nhân dân tối cao không thực hiện nhiệm vụ xét xử phúc thẩm mà chỉ thực hiện nhiệm vụ giám đốc việc xét xử của các tòa án khác; xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm; tổng kết thực tiễn xét xử; bảo đảm áp dụng thống nhất pháp luật trong xét xử; quản lý các tòa án về tổ chức (quản lý tổ chức bộ

máy, biên chế, cán bộ, kinh phí hoạt động, cơ sở vật chất, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ...); xây dựng pháp luật theo sự phân công của Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội; đồng thời, bổ sung nhiệm vụ đào tạo nhằm đáp ứng yêu cầu nâng cao năng lực, trình độ của đội ngũ Thẩm phán, Hội thẩm và các chức danh khác của tòa án.

Tòa án nhân dân cấp cao (cấp tòa mới được quy định trong Luật Tổ chức tòa án nhân dân năm 2014) có nhiệm vụ xét xử phúc thẩm các bản án, quyết định sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chưa có hiệu lực pháp luật bị kháng cáo, kháng nghị; giám đốc thẩm, tái thẩm các bản án, quyết định của Tòa án thuộc địa hạt tư pháp đã có hiệu lực pháp luật nhưng bị kháng nghị.

Thứ năm là về Thẩm phán. Các quy định về tiêu chuẩn, điều kiện và trình tự, thủ tục bổ nhiệm Thẩm phán đã có nhiều nội dung mới nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ Thẩm phán và phù hợp với quy định của Hiến pháp năm 2013, theo đó, Thẩm phán tòa án nhân dân tối cao do Quốc hội phê chuẩn và Chủ tịch nước bổ nhiệm; Thẩm phán các tòa án khác do Chủ tịch nước bổ nhiệm; người muốn được bổ nhiệm làm Thẩm phán ngoài những điều kiện như trước đây còn phải có thêm điều kiện đã trúng tuyển kỳ thi tuyển chọn Thẩm phán, có thời gian làm công tác pháp luật từ 05 năm trở lên (thay vì 04 năm như trước đây); Thẩm phán sơ cấp muốn được bổ nhiệm vào ngạch Thẩm phán trung cấp phải trải qua kỳ thi nâng ngạch Thẩm phán trung cấp, Thẩm phán trung cấp muốn được bổ nhiệm vào ngạch Thẩm phán cao cấp phải trải qua kỳ thi nâng ngạch Thẩm phán cao cấp. Nhiệm kỳ của Thẩm phán đã được kéo dài hơn: “Nhiệm kỳ đầu của các Thẩm phán là 05

năm; trường hợp được bổ nhiệm lại hoặc được bổ nhiệm vào ngạch Thẩm phán khác thì nhiệm kỳ tiếp theo là 10 năm” (Điều 74).

Thứ sáu là về Hội thẩm. Các quy định về Hội thẩm cũng có những bổ sung quan trọng nhằm khắc phục những tồn tại, bất cập trong tổ chức và hoạt động của Hội thẩm tòa án nhân dân; bảo đảm việc tham gia của Hội thẩm vào công tác xét xử là phương thức để nhân dân thực hiện quyền tư pháp; đồng thời, thực hiện quyền giám sát của nhân dân đối với hoạt động xét xử. Theo đó, Luật Tổ chức tòa án nhân dân năm 2014 không quy định việc Tòa án quản lý Hội thẩm mà *Hội thẩm được tổ chức thành Đoàn Hội thẩm. Đoàn Hội thẩm hoạt động theo quy chế do Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành* (khoản 1 Điều 91).

Ngoài các nội dung đổi mới lớn nêu trên, Luật Tổ chức tòa án nhân dân năm 2014 còn có các quy định mới, cụ thể về các chức danh Thư ký Tòa án, Thẩm tra viên; quy định về bảo đảm hoạt động của tòa án nhân dân, v.v...

Như vậy, có thể khẳng định, tổ chức và hoạt động của hệ thống tòa án nhân dân ở Việt Nam đã và đang được tiến hành cải cách toàn diện góp phần xây dựng nền tư pháp trong sạch, vững mạnh, dân chủ, nghiêm minh, bảo vệ công lý, từng bước hiện đại, phục vụ nhân dân, phụng sự Tổ quốc.

2. Những kết quả đạt được trong cải cách tòa án ở Việt Nam

Kể từ khi thực hiện Nghị quyết 49 NQ/TW ngày 02/6/2005 của Bộ chính trị về Chiến lược Cải cách tư pháp đến năm 2020, hoạt động của tòa án đã có những cải thiện đáng kể.

Thứ nhất là về công tác xét xử. Việc chấp hành quy định của pháp luật về thời hạn xét xử được các tòa án thực hiện khá nghiêm túc;

chất lượng xét xử được đảm bảo, tỷ lệ các bản án, quyết định bị hủy, sửa do lỗi chủ quan của thẩm phán năm sau thường thấp hơn năm trước (Bộ Chính trị, 2014).

Tòa án các cấp đã triển khai sâu rộng việc nâng cao chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa xét xử; đảm bảo cho những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình; chú trọng việc đánh giá các chứng cứ mới. Việc đổi mới thủ tục xét hỏi và tranh luận không chỉ ở các phiên tòa xét xử hình sự mà được áp dụng đối với cả các phiên tòa dân sự, hành chính (Tòa án nhân dân tối cao, 2016). Việc xét xử các vụ án hình sự cơ bản đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, đã hạn chế đến mức thấp nhất các trường hợp kết án oan người không có tội. Nhiều vụ án lớn, đặc biệt nghiêm trọng hoặc các vụ án được dư luận xã hội quan tâm, các vụ án về kinh tế, tham nhũng đã được các Tòa án khẩn trương nghiên cứu hồ sơ để đưa ra xét xử kịp thời, nghiêm minh. Hình phạt mà Tòa án áp dụng đối với các bị cáo đảm bảo nghiêm minh và đúng pháp luật. Trung bình hàng năm, các tòa án đã tổ chức khoảng trên 9.000 phiên tòa xét xử lưu động, qua đó góp

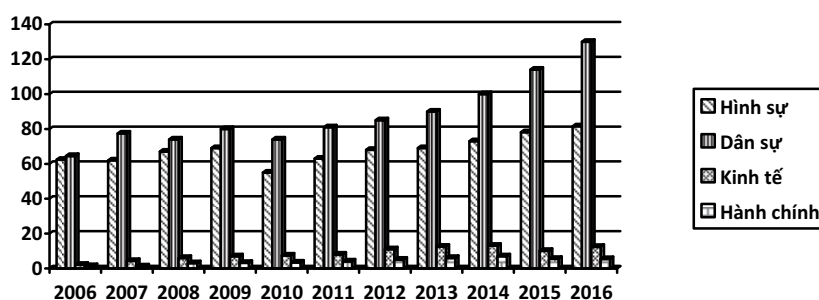
phần nâng cao nhận thức pháp luật trong quần chúng nhân dân và răn đe tội phạm (Tòa án nhân dân tối cao, 2013).

Đối với những trường hợp bị xét xử oan từ nhiều năm trước, khi được phát hiện, các tòa án đã khẩn trương thực hiện các thủ tục xin lỗi công khai và bồi thường cho người bị oan theo đúng quy định của pháp luật, như trường hợp: Ông Nguyễn Thanh Chấn ở Bắc Giang; ông Lương Ngọc Phi ở Thái Bình; ông Huỳnh Văn Nén ở Bình Thuận...

Thứ hai, công tác kiểm tra hoạt động xét xử và thi hành án hình sự đã ngày càng được tăng cường. Ngoài việc kiểm tra hồ sơ vụ án hình sự và hồ sơ thi hành án phạt tù, Ban Thanh tra Tòa án nhân dân tối cao còn tham mưu cho lãnh đạo Tòa án nhân dân tối cao tổ chức một số Hội nghị rút kinh nghiệm về những thiếu sót trong công tác xét xử, chia sẻ những kinh nghiệm, kỹ năng giải quyết các vụ việc cụ thể trong ngành tòa án, góp phần nâng cao chất lượng giải quyết các vụ việc thuộc thẩm quyền của tòa án.

Thứ ba là hoạt động xây dựng pháp luật và hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật, thực hiện Nghị quyết về quy trình lựa chọn, công bố và áp dụng án lệ. Tòa án nhân dân

Hình 2: Biểu đồ số liệu giải quyết sơ thẩm các loại vụ án của Tòa án năm 2006 - 2016



Nguồn: Số liệu Thống kê của tòa án nhân dân tối cao, <http://toaan.gov.vn/portal/page/portal/tandtc/5901712>.

tối cao đã tổ chức các cuộc Hội thảo để lấy ý kiến rộng rãi các chuyên gia pháp lý, các nhà hoạt động thực tiễn, góp ý đối với một số bản án, quyết định giám đốc thẩm bước đầu được lựa chọn để giới thiệu làm án lệ. Ngày 6/4/2016, những bản án lệ đầu tiên của Việt Nam đã được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua và được Chánh án Tòa án nhân dân tối cao ban hành kèm theo Quyết định số 220/QĐ-CA yêu cầu các tòa án nhân dân và tòa án quân sự trên toàn quốc có trách nhiệm nghiên cứu, áp dụng án lệ trong hoạt động xét xử. Đồng thời ngày 30/5/2016, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao ban hành Chỉ thị số 04/2016/CT-CA chỉ đạo tòa án nhân dân, tòa án quân sự các cấp tăng cường công tác phát triển, công bố án lệ và áp dụng án lệ trong xét xử. Kể từ ngày 1/6/2016, các tòa án nhân dân và tòa án quân sự trên toàn quốc đã chính thức áp dụng án lệ trong công tác xét xử. Đây là một bước tiến lớn trong hoạt động xét xử của Tòa án trong quá trình cải cách tư pháp, kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong công tác xét xử.

Thứ tư là về việc thi và bổ nhiệm Thẩm phán. Tại kỳ họp thứ 9 Quốc hội khóa XIII, theo quy định của Hiến pháp năm 2013 và Luật Tổ chức tòa án nhân dân năm 2014, lần đầu tiên Quốc hội đã chính thức thông qua Nghị quyết đề nghị phê chuẩn của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về việc bổ nhiệm 15 Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Ngày 31/7/2015, Chủ tịch nước Trương Tấn Sang đã trao quyết định bổ nhiệm cho 15 Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Năm 2016, Tòa án nhân dân tối cao đã tổ chức kỳ thi tuyển chọn Thẩm phán sơ cấp, Thẩm phán trung cấp ngày 30/3/2016; kỳ thi tuyển chọn Thẩm phán cao cấp từ ngày 18-31/7/2016. Đây là những kỳ thi tuyển chọn Thẩm phán đầu tiên được tổ

chức theo quy định của Luật Tổ chức tòa án nhân dân năm 2014.

Thứ năm là thành lập Tòa Gia đình và Người chưa thành niên. Ngày 4/4/2016, Tòa án nhân dân tối cao đã tổ chức Công bố Quyết định thành lập Tòa Gia đình và Người chưa thành niên, đây là Tòa chuyên trách mới nằm trong cơ cấu tổ chức của tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh. Ông Youssouf Abdel-Jelil, Trưởng Đại diện UNICEF tại Việt Nam bình luận: “Sự ra đời của Tòa án Gia đình và Người chưa thành niên là cột mốc quan trọng trong việc bảo vệ quyền trẻ em ở Việt Nam và là thành tựu sau một hành trình dài... Đây thực sự là một thành tựu tuyệt vời, tiếp tục khẳng định vị trí tiên phong của Việt Nam về việc thực hiện quyền trẻ em trong khu vực cũng như trên thế giới” (Trần Minh Giang, 2016).

Thứ sáu là Học viện Tòa án - Trung tâm đào tạo và nghiên cứu khoa học của tòa án nhân dân tối cao đã chính thức đi vào hoạt động. Ngày 28/3/2016, Tòa án nhân dân tối cao đã tổ chức Lễ ra mắt Học viện Tòa án và ngày 6/12/2016, Học viện Tòa án đã tổ chức Lễ Khai giảng khóa cử nhân Luật đầu tiên của Học viện.

Có thể nói, cải cách tòa án ở Việt Nam đã đạt được những kết quả quan trọng góp phần kiện toàn tổ chức và nâng cao hiệu quả hoạt động xét xử của tòa án. Tuy nhiên, vẫn còn những vấn đề trong tổ chức và hoạt động của tòa án cần tiếp tục được nghiên cứu, cải cách theo đúng chủ trương đường lối đã được nêu ra trong Chiến lược Cải cách tư pháp đến năm 2020.

3. Những vấn đề đặt ra đối với cải cách tòa án trong thời gian tới

Bên cạnh những kết quả đạt được, cải cách tòa án ở Việt Nam vẫn còn tồn tại

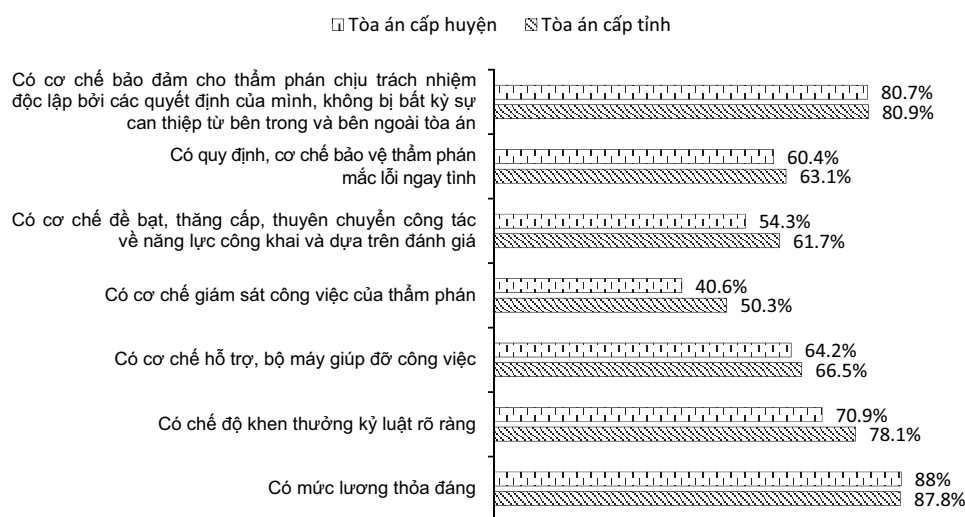
những hạn chế, yếu kém như: i) công tác triển khai thực hiện một số nhiệm vụ còn thiếu đồng bộ, chưa bảo đảm tính hệ thống, chưa ngang tầm nhu cầu đòi hỏi; ii) vấn đề hoàn thiện hệ thống pháp luật về hình sự, dân sự, kinh tế, lao động và thủ tục tư pháp, tổ chức hoạt động tòa án có mặt còn chậm, thiếu đồng bộ; iii) hiệu quả việc sử dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của tòa án cũng như công tác giám sát của cơ quan dân cử, các đoàn thể xã hội còn mang tính hình thức và không đạt hiệu quả; iv) sự lãnh đạo của cấp ủy, tổ chức đảng đối với một số nhiệm vụ cải cách tòa án có nơi buông lỏng, thiếu kiểm tra, đôn đốc; v) sự phối hợp giữa các cơ quan tư pháp với cấp ủy Đảng chưa thật sự chặt chẽ, cơ chế phối hợp giữa các ngành, các cấp chưa tốt, chưa hiệu quả, không những không tạo ra sức mạnh chung của cả hệ thống mà trong nhiều trường hợp lại là nguyên nhân chính làm cho các chủ trương đúng đắn chậm hoặc không được triển khai trên thực tiễn. Chẳng hạn, chủ

trương cải cách đặt tòa án ở vị trí, vai trò trung tâm trong hệ thống tư pháp đã từng bước được thể chế hóa trong các quy định của pháp luật nhưng chưa được thể hiện rõ nét trước, trong và sau hoạt động xét xử của Tòa án (Tòa án nhân dân tối cao, 2013).

Một số chuyên gia luật cho rằng, đội ngũ cán bộ ngành tư pháp hiện nay còn yếu kém và chưa đáp ứng được yêu cầu mới. Thậm chí, có người đặt vấn đề: “Vì sao án tồn đọng nhiều, án oan sai còn nhiều, thậm chí bị tẩy sửa, bị hủy? Vì sao chưa minh bạch trong hoạt động tố tụng khiến một bộ phận nhân dân chưa thực sự tin vào trách nhiệm của ngành tư pháp? Tất cả những bất cập đó là do năng lực, trình độ, trách nhiệm hay do cơ chế?” (Đoàn Đức Lương, 2008).

Một số ý kiến khác cho rằng Nghị quyết 49-NQ/TW đã mở đường cho sự đổi mới tòa án trong Hiến pháp năm 2013 nhưng dường như sự đổi mới trong Luật Tổ chức tòa án nhân dân năm 2014 còn dè dặt, chưa đưng

Hình 3: Quan điểm của Thẩm phán về xét xử độc lập



Nguồn: UNDP (2014), *Báo cáo khảo sát thực trạng quản lý hành chính tòa án nhân dân địa phương ở Việt Nam*, http://www.vn.undp.org/content/vietnam/vi/home/library/democratic_governance/reality_of_local_court_governance_in_viet_nam/

nhiều thách thức, bỏ ngỏ nhiều điểm, đòi hỏi phải có sự đổi mới đồng bộ của các cơ chế khác, đạo luật khác để tòa án có thể hoàn thành sứ mệnh mang công lý đến cho mọi người. Hai điểm cải cách có khả năng góp phần lớn nhất vào việc nâng cao chất lượng xét xử của tòa án: i) kéo dài nhiệm kỳ thẩm phán lên 10 năm đối với người được tái bổ nhiệm nhiệm kỳ thứ hai; ii) giao cho Tòa án nhân dân tối cao chọn lọc án lệ, nhưng hai thay đổi này có lẽ chưa đủ sức vượt qua những thách thức cũ là vấn đề đảm bảo sự độc lập của tòa án trong xét xử (Võ Trí Hảo, 2014). Khi được hỏi về những yếu tố tác động tới sự độc lập của Thẩm phán khi xét xử, đa số Thẩm phán cho rằng, đối với tòa án cấp tỉnh, cấp huyện, cần cơ chế bảo đảm cho Thẩm phán chịu trách nhiệm độc lập bởi các quyết định của mình, không bị bất kỳ sự can thiệp từ bên trong và bên ngoài tòa án và cần có mức lương thỏa đáng (Hình 3).

Ngoài ra, sự độc lập của tòa án chịu tác động rất lớn bởi cơ chế hợp liên ngành, cơ chế thỉnh án cấp trên, và cơ chế xin ý kiến cơ quan lãnh đạo cùng cấp trước khi xét xử án dự kiến mức hình phạt tử hình hoặc án liên quan đến an ninh quốc gia. Việc thiết lập ba cơ chế này được lý giải bởi nhiều lý do và đã tồn tại song song với lịch sử ngành tòa án Việt Nam. Việc Luật tổ chức tòa án nhân dân năm 2014 tiếp tục không điều chỉnh theo hướng củng cố hay loại bỏ ba cơ chế này, mà tiếp tục để ngoài luật, cho thấy sự độc lập của tòa án còn tiếp tục có nhiều thách thức.

Tóm lại, các nội dung cải cách tòa án đã được thực hiện ở Việt Nam và các kết quả đạt được từ năm 2006-2016 thể hiện những nỗ lực to lớn của cả hệ thống chính trị, các cơ quan tư pháp nói chung và hệ thống tòa án nói riêng. Đồng thời, chiến lược cải cách tòa án cũng nhận được sự đồng thuận, giám sát

và góp ý kiến của đông đảo quần chúng nhân dân. Tuy nhiên, hiện vẫn còn những vấn đề, những thách thức trong cải cách tòa án mà Đảng, Nhà nước và Ban cải cách tư pháp trung ương cần phải tiếp tục giải quyết □

Tài liệu tham khảo

1. Trần Minh Giang (2016), *Thành tựu cải cách tư pháp nổi bật của Tòa án nhân dân*, <http://vov.vn/chinh-tri/thanh-tuu-cai-cach-tu-phap-noi-bat-cua-toa-an-nhan-dan-497270.vov>
2. Võ Trí Hảo (2014), *Luật mới tương tác với cơ chế cũ như thế nào*, <http://tiasang.com.vn/Default.aspx?tabid=116&News=8243&CategoryID=42>
3. Đoàn Đức Lương (2008), “Những yếu tố tác động đến hoạt động xét xử và nhu cầu phương hướng nâng cao hiệu quả ở nước ta hiện nay”, *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội*, số 47.
4. Bộ Chính trị (2014), *Kết luận 92-KL/TW ngày 12/3/2014 về việc tiếp tục thực hiện Nghị Quyết số 49-NQ/TW ngày 2/6/2005 của Bộ Chính trị khóa IX về Chiến lược Cải cách tư pháp đến năm 2020*.
5. *Chánh án tòa án nhân dân tối cao*, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tổng Kiểm toán nhà nước báo cáo công tác nhiệm kỳ, <http://baochinhphu.vn/Tin-noi-bat/Chanh-an-tòa-án-nhân-dân-TC-Vien-truong-VKSNDTC-Tong-KTNN-bao-cao-cong-tac-nhiem-ky/250311.vgp>
6. Tòa án nhân dân tối cao (2013), *Báo cáo tổng kết thi hành Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2002, Pháp lệnh Thẩm phán và Hội thẩm Tòa án nhân dân năm 2002, Pháp lệnh tổ chức Tòa án quân sự năm 2002*.
7. Tòa án nhân dân tối cao (2016), *Báo cáo tổng kết công tác ngành tòa án năm 2016*.